TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS
TỈNH PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2021/QĐST- HNGĐ

TS, ngày 14 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH

Thẩm phán: Ông Đinh Văn Chí.

Căn cứ Hồ sơ Hòa giải số: 41/2021/HS-HG, ngày 19/11/2021 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung*" giữa:

Người khởi kiện: Ah **Trần Văn NH**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Xóm L, xã XS, huyện TS, tỉnh PT.

Người bị kiện: Chị **Lý Thị A**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Xóm L, xã XS, huyện TS, tỉnh PT.

*Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn:*Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT.

*Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn:*Ông Bùi Đức Dũng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh PT.

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 của Luật Hòa giải, Đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, và các bên đều có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quA hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ah Trần Văn NH và chị Lý Thị A.

1.2 Về con chung: Ah Trần Văn NH và chị Lý Thị A xác nhận vợ chồng có hai con chung Trần Thị Q, sinh ngày 28/02/2013 và Trần Thị Q, sinh ngày 20/9/2015.

Sau khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Anh NH trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trần Thị Q và Trần Thị Q kể từ tháng 12 năm 2021 đến khi thành niên. Chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng được quyền đi lại chăm sóc con chung.

1.3 Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh NH; chị A không yêu cầu giải quyết.

2. Về chi phí hòa giải: Các bên không phải chịu chi phí Hòa giải.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TS;
- Chị cục THA huyện TS;
- UBND xã XS; huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Chí